



HOẠT ĐỘNG GIAO THƯƠNG GIỮA NHẬT BẢN VÀ AYUTTHAYA THẾ KỶ XVII

Trần Thị Tâm

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam

Tóm tắt: Trong lịch sử bang giao thời cận thế, thế kỷ XVII là khoảng thời gian vô cùng đặc biệt trong quan hệ giữa Nhật Bản với Đông Nam Á nói chung và quan hệ với Ayutthaya¹ nói riêng. Bằng phương pháp lịch sử, phương pháp logic và một số phương pháp liên ngành khác, tác giả tập hợp và xử lý một cách có hệ thống các tư liệu buôn bán giữa hai bên để có cái nhìn bao quát nhất về chính sách kinh tế, tầm nhìn ngoại thương của Nhật Bản và Ayutthaya. Trên cơ sở phân tích hoạt động giao thương giữa hai bên, tác giả làm rõ hơn sự phát triển của hoạt động thương mại biển của Nhật Bản và Ayutthaya dưới sự chi phối của bối cảnh quốc tế và khu vực trong thế kỷ XVII.

Từ khóa: Nhật Bản, Ayutthaya, ngoại thương

1. Đặt vấn đề

Về mặt địa chiến lược, nếu như Philippines được xem là cầu nối trong giao thương giữa Đông Nam Á và Đông Bắc Á thì vị trí địa lý của Ayutthaya lại rất có ý nghĩa trong hệ thống giao thương giữa Nam Á và Đông Bắc Á. Nhận thức rõ điều này, trong quá trình thực hiện chính sách ngoại thương nhằm phá vỡ thế độc quyền thương mại với các nước phương Tây và đối phó với chính sách “hải cấm” của Trung Quốc cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII, Nhật Bản đã sớm thiết lập quan hệ với vương quốc Ayutthaya và duy trì thường xuyên những liên hệ ngoại giao và kinh tế với quốc gia này. Triều đình Ayutthaya cũng đặc biệt coi trọng quan hệ với Nhật Bản khi luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Nhật thương đến buôn bán và cư trú. Có thể nói, trong lịch sử bang giao khu vực thời cận thế, Ayutthaya và Nhật Bản được coi là hai quốc gia luôn đề cao tầm nhìn hướng biển khi giải quyết tốt bài toán vừa phát triển buôn bán với bên ngoài vừa có những chính sách tự vệ hiệu quả nhằm tránh được sự lũng đoạn để bảo vệ thị trường và nền kinh tế trong nước. Đây là đề tài nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu như Nguyễn Văn Kim, Li Tana, Hoàng Anh Tuấn [4, 6, 11, 15]. Tuy nhiên, các công trình mới chỉ tập trung nhấn mạnh khai thác quan hệ Nhật Bản – Ayutthaya nói chung. Với bài báo này, chúng tôi mong muốn tiếp cận sâu hơn về hoạt động buôn bán để nhận diện rõ đặc trưng kinh tế hướng ngoại của hai quốc gia này trong thế kỷ XVII.

¹Ayutthaya là tên một vương quốc cổ của Thái Lan hiện đại, tồn tại từ năm 1351 đến năm 1767.

*Liên hệ: tamkhoasuhue@gmail.com

Nhận bài: 28-03-2019; Hoàn thành phản biện: 02-05-2019; Ngày nhận đăng: 09-05-2019

2. Khái quát tình hình của Nhật Bản, Ayutthaya và nhu cầu trao đổi giữa hai nước

Vào cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII, cùng với việc hoàn tất công cuộc thống nhất đất nước, chính quyền Toyotomi Hideyoshi chủ trương mở rộng quan hệ ngoại thương với bên ngoài, trong đó đặc biệt chú trọng đến khu vực Đông Nam Á. Đây là thời kỳ đất nước Nhật Bản trong hoàn cảnh dần đi vào ổn định, làm gia tăng cuộc sống hưởng thụ và sức mua của người dân nên nhờ đó thương nghiệp ngày càng có điều kiện phát triển mạnh mẽ. Nhiều thành phố mọc lên, tầng lớp thương nhân và ngay cả các daimyo cũng rất hăng hái trong các hoạt động buôn bán với bên ngoài. Đồng thời, lúc bấy giờ Nhật Bản còn là nước sản xuất vàng, bạc, đồng lớn nhất khu vực Đông Á, có khi chiếm tới 30–40% lượng bạc sản xuất ra của toàn thế giới. Nhờ đó, Nhật Bản có một lượng tiền lớn để mua bán hàng hóa từ các nước trong khu vực. Hơn nữa, thông qua tác động từ thời kỳ hoàng kim của hải thương châu Á (1450–1680), Nhật Bản đã tiếp nhận nhiều kỹ thuật mới từ phương Tây, đặc biệt là đóng tàu và vận dụng nó trong các chuyến buôn vượt biển. Trong quan hệ với Trung Quốc, vào năm 1567, nhà Minh đã từ bỏ chủ trương bế quan tỏa cảng, cho thuyền buôn giao thương trở lại với các quốc gia Đông Nam Á nhưng vẫn cấm xuất khẩu một số nguyên liệu quan trọng (như tơ lụa, gốm sứ) sang Nhật Bản. Như vậy, Nhật Bản nhận thức rõ vai trò của hoạt động ngoại thương đối với sự phát triển kinh tế. Đồng thời, nhằm giải quyết những trở ngại trong buôn bán với Trung Hoa và phá vỡ thế độc quyền trong giao thương với Tây phương, từ cuối thế kỷ XVI, cùng với các hành động kiên quyết loại trừ hải tặc, chính quyền Toyotomi Hideyoshi đã cử nhiều đoàn thuyền buôn đến khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Trong hoàn cảnh đó, chính sách Châu ấn thuyền đã ra đời với sự kiện vào năm 1592, Tướng quân Toyotomi Hideyoshi cấp 9 giấy phép cho các thuyền buôn Nhật đi giao dịch ở Đông Nam Á, trong đó có một thuyền đến Đại Việt². Kể từ đó cho đến năm 1600, sau khi Mạc phủ Edo được thiết lập, Tokugawa Ieyasu vẫn tiếp tục thi hành chính sách đối ngoại tích cực, duy trì và mở rộng chế độ cấp giấy phép cho các thương nhân ra nước ngoài buôn bán. Mạc phủ không chỉ cấp dấu Châu ấn cho các thương nhân Nhật Bản mà còn lưu hành cho cả một số thương gia ngoại quốc, trong đó có cả người phương Tây. Thông qua mối giao lưu kinh tế, văn hóa suốt nửa thế kỷ này, Nhật Bản đã để lại dấu ấn sâu đậm trong ký ức của nhiều dân tộc Đông Nam Á, trong đó có Ayutthaya.

Từ thế kỷ XVI, chứng kiến sự lớn mạnh và chiến tranh thôn tính của Miến Điện, những người Thái lưu vong đã liên kết lại và bắt đầu giành lấy thành Ayutthaya vào năm 1569. Dhammaraja (1569–1590), một thống đốc người Thái đã trở thành vua của Ayutthaya dưới tư cách chư hầu của Miến Điện. Con trai ông, Naresuan (1590–1605) là người có công đẩy lùi quân lính và ảnh hưởng của Miến Điện ra khỏi bờ cõi Ayutthaya vào năm 1600. Từ đây, Naresuan tiến hành xây dựng, tái thiết đất nước nhằm mang lại sự phồn thịnh, tự chủ cho đất nước, đặc

² Dẫn theo Hoàng Anh Tuấn (2014), "Góc nhìn khu vực về quan hệ Việt Nam – Nhật Bản thế kỷ XVII", *Tạp chí Khoa học ĐHQG Hà Nội*, số 3/2014, Tr.3 (1–13).

biệt là chấm dứt việc chỉ định hoàng thân cai trị các tỉnh của Ayutthaya mà thay vào đó là chế độ bổ nhiệm quan chức triều đình thi hành các quyết định do vua ra chỉ dụ. Thế kỷ XVII mở ra kỷ nguyên hòa bình, độc lập, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển. Nông nghiệp vẫn được xem là rường cột với lượng lúa gạo sản xuất ra không chỉ đảm bảo cho tiêu dùng mà còn phục vụ các nhu cầu tôn giáo và buôn bán. Ở những khu vực ven lưu vực sông Chao Phraya, nông dân đã tạo ra những ruộng nổi có thể nổi theo mực nước – một kỹ thuật được du nhập từ Bengal. Nguồn lương thực dồi dào với giá rẻ đã khiến Ayutthaya trở thành một trung tâm của các hoạt động kinh tế [16]. Về ngoại thương, trong số các quốc gia Đông Nam Á, Ayutthaya là nước sớm có nền thương mại hàng hải phát triển. Bên cạnh việc ký hiệp ước cho phép Hà Lan được độc quyền buôn bán lúa gạo vào năm 1592; từ năm 1371 đến 1503, trong khuôn khổ chế độ cống nạp của một nước phiên thuộc, triều đình Ayutthaya đã cử 78 phái đoàn ngoại giao – thương mại đến Trung Quốc. Dựa trên nền tảng của những mối quan hệ truyền thống, sau một thời kỳ gián đoạn, đến thời vua Naresuen quan hệ Nhật Bản – Ayutthaya lại được khôi phục. Là một người có uy lực, nhà vua đã giành được quyền độc lập thực sự về chính trị đồng thời quản chế được quan hệ ngoại giao. Naresuen đã đưa Ayutthaya trở thành cường quốc quan trọng và lớn mạnh nhất trong khu vực. Điều đáng chú ý là ngay từ thời gian đó vua Thái đã sử dụng nhiều người nước ngoài phục vụ cho công việc của triều đình vì những tri thức và kỹ năng đặc biệt của họ. Trong đội quân cấm vệ của nhà vua đã có ước chừng 500 võ sĩ Nhật Bản và nhiều người vốn là các võ sĩ vô chủ (ronin). Do hoàn cảnh xã hội, họ buộc phải làm vệ sĩ cho các đoàn thuyền buôn rồi sang định cư lâu dài trên đất Thái. Vì vậy, khác với một số nước trong khu vực, từ cuối thế kỷ XVI, quan hệ Nhật Bản – Ayutthaya được xây dựng trên cơ sở sự gắn kết chặt chẽ của đồng thời ba thành tố: ngoại giao, thương mại và hoạt động quân sự. Mối quan hệ vừa thân thiện vừa phức tạp đó là một đặc điểm tiêu biểu của lịch sử quan hệ Nhật – Thái trong suốt thời kỳ Ayutthaya (1351–1767) [4].

Như vậy, cả Nhật Bản và Ayutthaya vào đầu thế kỷ XVII đều có tình hình chính trị – xã hội tương đối ổn định để tập trung phát triển kinh tế. Đặc biệt, đứng trước sự xâm nhập của các nước phương Tây, nhằm phá vỡ thế độc quyền từ họ, cả hai nước đều chủ trương mở rộng giao lưu buôn bán với các nước trong khu vực. Đây chính là cơ sở tạo nên kỷ nguyên giao thương trực tiếp, chủ động của các doanh thương người Thái và người Nhật, là nền tảng cho hợp tác giữa hai bên sau này.

3. Hoạt động giao thương giữa Nhật Bản và Ayutthaya nửa đầu thế kỷ XVII

Mặc dù đã có những trao đổi buôn bán từ trước thế kỷ XVII, nhưng quan hệ ngoại giao giữa Nhật Bản và Ayutthaya chỉ được chính thức xác lập dưới thời vua Agathosarot (1605–1609). Ở Nhật Bản, đó là thời kỳ cầm quyền của tướng quân Tokugawa Ieyasu (1542–1616) với sự kiện năm 1606, thông qua các Châu ấn thuyền, Ieyasu đã gửi thư cho vua Ekathotsarot đề nghị

được mua đại bác và trầm hương. Để tỏ thái độ thân thiện, ông đã biểu vua Ayutthaya một bộ áo giáp cùng 10 thanh kiếm quý. Tokugawa Ieyasu còn cam kết sẽ tạo những điều kiện thuận lợi nhất để thuyền buôn của Ayutthaya có thể đến Nhật Bản buôn bán và trao đổi hàng hóa [2, Tr. 62]. Thời điểm những Châu ấn thuyền đầu tiên cập cảng Ayutthaya được coi là mốc thời gian chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao và thương mại giữa Nhật Bản và Ayutthaya.

Trong thời kỳ *Châu ấn thuyền* (1592–1637), Nhật Bản đã có quan hệ với 18 quốc gia và khu vực lãnh thổ nhưng chủ yếu là các quốc gia Đông Nam Á. Căn cứ vào Bảng 1, từ năm 1604 đến 1635 đã có tổng số 280 thuyền buôn *Châu ấn* đến Đông Nam Á. Theo đó, đã có 87 chiếc đến Đàng Trong, 53 chiếc đến Luzon (Philippines), 44 chiếc đến Campuchia và 37 chiếc đến Đàng Ngoài (Tonkin). Ayutthaya trở thành điểm đến chính của các *Shuinsen*. Từ năm 1604 đến 1635, Mạc phủ đã cấp 56 giấy phép cho các chuyến đi đến Ayutthaya. Tính riêng từ năm 1604 đến 1616 đã có 36 thuyền Châu ấn đến Ayutthaya. Số lượng thương thuyền đến Ayutthaya xếp thứ hai sau Đại Việt (56 chiếc so với 127 chiếc), nhưng giá trị thương mại giữa Nhật Bản với Ayutthaya được coi là lớn nhất so với tất cả các quốc gia Đông Nam Á. Ayutthaya là bạn hàng quan trọng nhất và lớn nhất của Nhật Bản trong thời Châu ấn thuyền. Các thuyền buôn thường rời Nhật Bản vào tháng 1 hoặc tháng 2 và trở về vào tháng 6 hoặc tháng 7 hàng năm. Chuyến đi trực tiếp từ Nagasaki đến Ayutthaya mất trung bình 47 ngày. Các sản phẩm được gửi đến Nhật Bản từ Ayutthaya chủ yếu là gỗ sappan (được sử dụng để chiết xuất thuốc nhuộm màu đỏ cho vải), đường, hạt tiêu, hương, san hô; da hươu, gia súc, cá mập, cá đuối. Có rất ít dữ liệu về số lượng hàng hóa được giao dịch, nhưng theo một tài liệu được viết bởi một thương gia người Hà Lan, năm 1608 Ayutthaya đã sẵn sàng gửi 500.000 tấm da hươu đến Nagasaki. Người Nhật, chủ yếu trả bằng bạc. Dưới thời Mạc phủ Tokugawa, bạc được tinh chiết rất hiệu quả và là phương tiện giao dịch chính trong thương mại quốc tế [9].

Bảng 1. Số lượng Châu ấn thuyền đến các cảng Đông Nam Á đầu thế kỷ XVII [10, Tr. 107]

Thời gian	Đàng Ngoài	Đàng Trong	Cambodia	Ayutthaya	Luzon
1604 – 1635	36	91	44	56	53

Sau một thời gian gây dựng cơ sở buôn bán và xác lập nhiều mối quan hệ xã hội bền chặt, đến những năm 20 của thế kỷ XVII, Nhật Bản đã trở thành bạn hàng quan trọng nhất của Ayutthaya. “Người Nhật Bản gần như độc chiếm thị trường Ayutthaya, và đến những năm 1620 giá trị thương mại giữa Nhật Bản với Ayutthaya có thể lớn hơn tổng giá trị buôn bán của Ayutthaya với các nước khác” [8, Tr. 61]. Vào thời kỳ trị vì của vua Nhung Tham, số Nhật kiều sinh sống ở Ayutthaya khoảng 1.500 người [14, Tr. 84]. Để có thể chủ động trong công việc buôn bán với nước sở tại, nhiều người Nhật đã định cư lâu dài và có quan hệ hết sức mật thiết với cư dân bản địa. Do số người Nhật đến sinh sống ở Ayutthaya ngày một tăng lên nên cộng đồng Nhật kiều ở Ayutthaya được củng cố và tổ chức chặt chẽ. Họ sống thành từng nhóm gần kinh đô Ayutthaya, nơi tụ cư đông nhất gọi là Nihon Machi (Phố Nhật). Người Nhật tự lựa chọn ra những người lãnh đạo để điều hành hoạt động chung của toàn thể cộng đồng. Các khu định cư

của người Nhật được xây dựng ở vùng cửa sông Chao Phraya, gần kề với thương quán của Hà Lan và Bồ Đào Nha, giáp với khu vực kinh đô [3, Tr. 216–217].

Mối quan hệ buôn bán thịnh đạt của Nhật Bản tại Ayutthaya đã thách thức hoạt động kinh tế của các nước phương Tây tại đây, đặc biệt là Hà Lan. Ngay sau khi Nhật thiết lập quan hệ với Ayutthaya, Hà Lan cũng đặt quan hệ chính thức với Ayutthaya, đồng thời luôn tìm mọi cách để ngăn chặn ảnh hưởng của Nhật Bản tại đây. Sau nhiều nỗ lực, năm 1608 Hà Lan đã thiết lập được thương quán ở Ayutthaya. Nhận rõ khả năng thương mại của Nhật Bản và những trở ngại chắc chắn sẽ gặp phải trên thị trường Ayutthaya, năm 1629, Joost Schouten đại diện thương quán Hà Lan đã viết thư gửi cho Toàn quyền ở Batavia như sau: “Hầu như năm nào cũng vậy, đều có một hoặc hai thuyền Nhật Bản đến Ayutthaya, ngoài ra còn có thuyền của opra (okphra) – người đứng đầu khối kiều dân Nhật định cư ở đây, để bảo vệ các thuyền đó chống lại bọn cướp. Do được triều đình Ayutthaya tạo những điều kiện thuận lợi mà opra đã trở nên rất giàu có với nhiều quyền lực. Ông ta cho rằng cứ thuyền đem theo 1.000 piculs (khoảng 56,8 tấn) gỗ sapan cùng 500.000 tấm da hươu đến Nhật Bản trong năm nay để thu lợi nhuận cho mình cũng như các bạn buôn. Nếu ông ta thành công trong vụ làm ăn này thì không chỉ cư dân ở đây giành được ưu thế trong quan hệ thương mại mà những nỗ lực của Hà Lan nhằm củng cố quan hệ với Ayutthaya cũng sẽ bị tổn thương” [3, Tr. 218]

Người đứng đầu khối kiều dân Nhật Bản được đề cập trong bức thư trên đây chính là Yamada Nagamasa³. Do có tài kinh doanh, lại nhạy bén với các vấn đề chính trị – quân sự nên ông đã được các vua Ayutthaya sủng ái, phong tước vị cao của triều đình. Ông được vua Nhung Tham (1611–1628) thừa nhận là cố vấn quân sự và chỉ huy một đội quân khoảng 800 chiến binh samurai, trong đó có nhiều người là thương nhân đã rời khỏi Nhật Bản từ thời Chiến quốc. Chính sự hiện diện của họ ở Ayutthaya đã đảm bảo thương mại với Nhật Bản phát triển. Chính mối quan hệ thân thiết của ông với nhà vua đã giúp người Nhật chiếm thế thượng phong trong thương mại với Ayutthaya. Ông là người có vai trò quan trọng trong việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Nhật Bản với triều đình Ayutthaya đầu thế kỷ XVII. Bên cạnh đó, Yamada cũng có mối quan hệ thân thiện với Hà Lan. Ở một mức độ nhất định, họ là đối thủ cạnh tranh trong kinh doanh, nhưng mặt khác, người Hà Lan rất quan tâm đến việc duy trì mối quan hệ tốt với Nhật Bản và các đại diện của họ. Nếu không có các thương nhân giàu kinh nghiệm hoạt động ở Ayutthaya như Yamada thì Nhật Bản khó có thể mua được da hươu và một số đặc sản khác. Nhờ giành được độc quyền trong một số lĩnh vực kinh tế mà hoạt động thương mại của Nhật Bản luôn thu được lợi nhuận cao ở thị trường Ayutthaya hồi đầu thế kỷ XVII. Ngoài việc mua bán trực tiếp ở thị trường Ayutthaya, các thương nhân Nhật Bản còn tìm được nhiều loại hàng hóa quý hiếm của một số nước trong khu vực như da hươu (dùng làm

³Ông sinh năm 1590 và mất năm 1630, xuất thân từ thành Sunpu thuộc vùng Suruga Shizuoka, qua Ayutthaya buôn bán và đứng đầu cư dân Nihon Machi; là một người có tài kinh doanh và nhân quan chính trị, ông rất được các vua Ayutthaya sủng ái và trọng dụng. Ông làm đến chức Thái thú ở Rigol (Lục Côn).

nguyên liệu để bọc dao kiếm và may trang phục) và sản vật địa phương từ các nước Đông Nam Á dưới hình thức mua qua bán lại với giá cao trên thị trường. Ngoài ra, một số hàng hóa của châu Âu và Ấn Độ cũng được trao đổi, ví dụ như raxa (một loại thảm nhung được dệt từ lông dê hoặc lông cừu) và các loại vải từ Ấn Độ. Những năm 1630–1640, da hươu từ Đàng Trong xuất khẩu hàng năm khoảng 5000–20.000 tấm. Campuchia và Thái Lan là những nước nhập khẩu chính đối với da hươu của Đàng Trong [12, Tr. 423]. Ngược lại, phía Nhật Bản đưa đến Ayutthaya lượng bạc, đồng, sắt, đồ thủ công nghiệp rất lớn để trao đổi. Tại thời điểm đó, lượng bạc mà Nhật Bản xuất khẩu ra bên ngoài chiếm đến 1/3 trữ lượng bạc thế giới. Có thể nói, buôn bán với Ayutthaya đã mang lại nguồn lợi nhuận rất lớn cho các thương nhân Nhật Bản.

Sau khi Nagamasa mất vào năm 1630 trong sự kiện Ligor⁴, nhiều người Nhật đã phải bỏ trốn hoặc bị xua đuổi sang Campuchia. Tướng quân Iemitsu (1622–1651) ngay lập tức ra lệnh cắt đứt quan hệ ngoại giao và thương mại với Ayutthaya. Đến năm 1632, Prasat Thong, với mong muốn tái lập thương mại với Nhật Bản, đã mời những người Nhật từ Campuchia quay trở lại Ayutthaya. Tuy nhiên, về phía Nhật Bản, từ năm 1639, sau khi chính thức phong tảo đất nước, Hà Lan trở thành đối thủ cạnh tranh với các thương nhân Trung Hoa để chiếm lĩnh thị trường Ayutthaya cũng như con đường vận chuyển hàng hóa từ Ayutthaya đến Nagasaki. Từ thời điểm này, giai đoạn buôn bán trực tiếp giữa Nhật Bản và Ayutthaya chấm dứt với sự kiện một tàu Ayutthaya chính thức cuối cùng đã đến Nhật Bản vào năm 1656 nhưng đã bị chính quyền Edo từ chối.

4. Hoạt động giao thương giữa Nhật Bản và Ayutthaya nửa cuối thế kỷ XVII

Vào nửa cuối thế kỷ XVII, mặc dù Nhật Bản thực hiện chính sách “sakoku”, nhưng hoạt động buôn bán giữa Nhật Bản và Ayutthaya vẫn được duy trì. Một mặt, Ayutthaya chủ động cử các thuyền buôn sang Nhật Bản; mặt khác, hoạt động buôn bán giữa Ayutthaya và Nhật Bản được thực hiện thông qua các thương nhân Hà Lan và Trung Quốc. Tuy đã căn bản giành được thế chủ động tương đối ở thị trường Ayutthaya, nhưng những năm 1641–1645, trong số 11 thuyền buôn của công ty Đông Ấn Hà Lan từ Batavia đến Nagasaki chỉ có một thuyền ghé qua Ayutthaya, còn hầu hết các chuyến tàu đều ghé sang Đài Loan để cất thêm hoặc bán bớt hàng hóa. Sau khoảng thời gian đó, do đã đạt được thỏa thuận với vua Prasat Thong (1629–1656) trong việc cho tàu đến mua da động vật nên hàng năm Hà Lan đã cử 2 hoặc 3 chuyến tàu đến Ayutthaya lấy hàng rồi mới nhổ neo đi Nagasaki. Tuy nhiên, từ năm 1652, do triều đình Ayutthaya chủ trương giành độc quyền về ngoại thương nên hàng năm chỉ có 1 tàu buôn Hà Lan được phép đến Ayutthaya. Ngoài ra, những hàng hóa Hà Lan tiêu thụ ở thị trường Nhật

⁴ Một vùng đất phía Nam Thái Lan ngày nay, nơi đã diễn ra cuộc chiến đấu cuối cùng của Yamada, khi vương vào âm mưu quyền lực của Ayutthaya nhằm chống lại Prasat Thong, người mở đầu vương triều Prasat Thong.

Bản cũng luôn gặp phải sự cạnh tranh của Hoa thương [4]. Do vẫn được phép cử thuyền đến Nhật Bản nên nhiều thuyền buôn Trung Quốc ngoài việc buôn bán với các nước Đông Nam Á, còn chở hàng trực tiếp từ Ayutthaya đến Nagasaki. *Theo ghi chép của Hà Lan, trong thời gian 1651–1686, có 103 thuyền buôn Trung Quốc đến Nhật Bản, trung bình ba chuyến mỗi năm. Tuy nhiên, số lượng tàu giảm dần trong những thập kỷ cuối của thế kỷ XVII. Một số liệu khác từ Kai-Hentai của Nhật Bản cho rằng có 48 thuyền từ Ayutthaya đến Nhật Bản trong khoảng từ năm 1687 đến 1728, trong khi một nguồn sử liệu khác, Tôsen Fusetsu-gaki đề cập đến 64 thuyền từ Ayutthaya đến Nhật Bản trong khoảng từ năm 1674 đến 1723 (trung bình khoảng một mỗi năm)⁵. Sau khi thực hiện Sakoku, việc cải thiện sản xuất và thương mại nội bộ của Nhật Bản trong thế kỷ XVII có thể là một trong những lý do làm giảm số lượng tàu ghé cảng Nagasaki. Số lượng tàu tiếp cận hợp pháp tại Nhật Bản đã giảm; tuy nhiên, đối với khu vực Đông Nam Á, các chuyến hàng từ Ayutthaya chỉ đứng thứ hai sau các chuyến hàng đến từ Huế, Việt Nam. Các thương nhân Ayutthaya xuất hiện trở lại ở Nagasaki vào năm 1661 sau ba mươi năm gián đoạn. Tất cả các tàu này được chính quyền Nagasaki xếp vào danh mục các tàu từ “Trung Quốc” [9].*

Hàng nhập từ Ayutthaya đến Nhật Bản chủ yếu vẫn là các mặt hàng như da thú, gỗ quý, gỗ nhuộm vải, đường, hạt tiêu, trầm (đặc biệt là kynam), san hô cùng nhiều loại sản phẩm của khu vực Đông Nam Á. Chỉ riêng trong năm 1653, các thuyền buôn Trung Quốc đã đem 6.322 bộ da hươu đến Nhật Bản và trong năm 1654 đã tăng lên 17.800 bộ [5, Tr. 182]. Đặc biệt, từ số liệu ở Bảng 2 có thể thấy Hoa thương đã đem một số lượng lớn đường từ Ayutthaya đến Nhật Bản, trong đó đường trắng là 142.000 jin và đường phôi là 45.400 jin. Trong năm 1663, số ghe mà các thương gia người Hoa đến Nhật Bản xuất phát từ Ayutthaya xếp thứ hai (cùng với Campuchia và Đài Loan), chỉ sau Đàng Trong. Ayutthaya là quốc gia có số lượng đường nhập vào Nhật Bản cao nhất xếp thứ hai là Đàng Trong. Đây là 2 khu vực có số lượng đường nhập khẩu vào Nhật Bản cao áp đảo so với Đài Loan, Campuchia và Đàng Ngoài. Loại hàng hóa này tiếp tục được nhập khẩu với số lượng lớn hơn trong thế kỷ XVIII–XIX.

Bảng 2. Số lượng đường Hoa thương nhập vào Nhật Bản năm 1663 (tính theo jin (1 jin bằng 0,5kg) [11, Tr. 137]

Xuất xứ	Số ghe	Đường trắng	Đường phôi	Đường phèn	Tổng
Xiêm	3	142.000	45.400		187.400
Cao Miên ⁶	3	12.300	71.400	2.200	85.900
Quảng Nam	4	30.260	122.000	150	152.410
Đàng Ngoài	1	42.000	23.000	900	65.900
Đài Loan	3	50.000	37.000	1.700	89.500

⁵ Các số liệu này được chúng tôi khai thác từ tài liệu: Cesare Polenghi (2004), “The Japanese in Ayutthayah in the First half of the 17th Century” đăng tải trên: <https://www.samurai-archives.com/jia.html> và đã được trích dẫn nguồn cụ thể ở cuối đoạn văn.

⁶ Campuchia

Trong giai đoạn 1666–1677, một số lượng gốm sứ Hizen của Nhật Bản cũng được xuất khẩu sang Ayutthaya. Tuy nhiên, gốm sứ không phải là mặt hàng có nhu cầu cao ở thị trường Ayutthaya nên trong thời gian này, gốm sứ Hizen được xuất khẩu sang đây không nhiều và giảm dần về sau.

Bảng 3. Số lượng gốm sứ Hizen xuất khẩu sang Ayutthaya giai đoạn 1666–1677 [1, Tr. 182]

Điểm đến	Năm	Tổng(cả năm)	Mặt hàng
Ayutthaya	1666	1.790	Dụng cụ bàn ăn (Bát)
	1671	150	Dụng cụ bàn ăn (Đĩa nông; đĩa sâu lòng)
	1677	318	Dụng cụ bàn ăn (Đĩa nông để bàn ăn; đĩa sâu lòng để bàn ăn)
Tổng:		2.258	

Nhìn vào số lượng ghe Trung Hoa từ các nước Đông Nam Á ở Bảng 4 có thể thấy số ghe Trung Hoa từ Ayutthaya xếp vị trí thứ hai (138 ghe, sau Đàng Trong, Việt Nam (203 ghe)); trong đó 10 năm cao điểm nhất là từ 1651 đến 1660 với 28 ghe. Số ghe xuất phát từ Ayutthaya vẫn tiếp tục giữ mức cao trong những năm cuối thế kỷ XVII trước khi giảm dần vào những năm 1700–1720. Việc buôn bán có lợi đã lôi kéo một bộ phận các quan chức Nhật Bản đầu tư vào thương mại, làm suy yếu sức mạnh của Mạc phủ. Điều này đã dẫn đến việc hạn chế số lượng thương thuyền của người Hoa được cấp phép vào năm 1689 bị giới hạn xuống còn 70 chiếc mỗi năm [10, Tr. 113]. Cũng từ năm 1683, Shogun Tsunayoshi (1680–1709) đã ban hành lệnh hạn chế và cấm nhập khẩu các mặt hàng xa xỉ từ nước ngoài. Sang đầu thế kỷ XVIII, nhận thấy số thuyền còn quá cao, Nhật Bản tiếp tục thực hiện chính sách cắt giảm số thuyền đến từ các nước Đông Nam Á.

Bảng 4. Số ghe Trung Hoa từ các nước Đông Nam Á đến Nhật Bản (1647–1720)⁷ [10, Tr. 113]

Thời gian	Tonking	Quảng Nam	Cambodia	Ayutthaya	Patani	Mallaca	Jakarta	Bantam
1647–1650	7	11	4		1		4	
1651–1660	15	40	37	28	20		2	1
1661–1670	6	43	24	26	9	2	12	
1671–1680	12	40	10	23	2		31	1
1681–1690	12	29	9	25	8	4	18	
1691–1700	6	30	22	20	7	2	16	1
1701–1710	3	12	1	11	2	2		
1711–1720	2	8	1	5			5	
Tổng cộng	63	203	109	138	49	8	90	3

⁷ Các ô để trống là những giai đoạn không có ghe nào cập bến.

Khi đến buôn bán tại Ayutthaya, tất cả các thương thuyền đều phải chịu kiểm soát và nộp thuế cho chính quyền Ayutthaya. So với các thương nhân ngoại quốc, giới Hoa thương luôn giành được nhiều đặc quyền hơn và chỉ nộp một mức thuế ưu đãi. Bên cạnh hợp tác với các thương nhân Trung Hoa và Hà Lan, chính quyền Ayutthaya cũng chủ động cử các thuyền buôn trực tiếp đem hàng đến Nhật Bản nhằm tăng nguồn thu và giành thế chủ động trong quan hệ ngoại giao. Dưới thời vua Prasat Thong, triều đình Ayutthaya luôn muốn củng cố mối quan hệ với Nhật Bản. Để thực hiện điều này, có ít nhất 6 phái đoàn ngoại giao đã được cử đến Nhật Bản, nhưng Mạc phủ đã từ chối tiếp đón và trả lại quốc thư của vua Ayutthaya. Lý do đưa ra là vua Prasat Thong tiếm quyền và điều đó là trái đạo lý truyền thống và kẻ tiếm quyền cần bị trừng phạt. Tuy nhiên, trong một mức độ nhất định quan hệ kinh tế giữa hai nước vẫn được duy trì. Hàng năm thuyền buôn của Ayutthaya vẫn cố gắng đến Nhật Bản để mua vàng, bạc, đồng, tranh tường, trà... theo con đường gián tiếp.

Đến thời cầm quyền của vua Narai (1656–1688), triều đình Ayutthaya vẫn tìm cách tái lập quan hệ với Nhật Bản và sẵn sàng xuất khẩu sang thị trường nước này hai sản phẩm vốn rất được thương nhân Nhật ưa chuộng là da hươu và gỗ sappan. Có thể thấy, dù quan hệ ngoại giao hai nước có phần bị gián đoạn và diễn ra đơn phương theo chiều hướng Ayutthaya – Nhật, nhưng đến cuối thế kỷ XVII, “Ayutthaya vẫn là nơi cung cấp những thương phẩm quan trọng như da động vật, gỗ quý, chì, thiếc cùng những mặt hàng đặc biệt được ưa chuộng là sừng tê và tổ yến. Những mặt hàng này được dùng để đổi lấy bạc, đồng và nhiều mặt hàng xa xỉ của Nhật Bản; kẽm, tơ lụa và gốm sứ của Trung quốc được đưa đến Ayutthaya bằng thuyền chính thức của hoàng gia Ayutthaya và thuyền mành Trung Quốc” [6, Tr. 183].

Từ giữa thế kỷ XVII, ảnh hưởng của Hà Lan ở Ayutthaya ngày càng mạnh mẽ. Năm 1664, khi Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC)⁸ phong tỏa kinh đô Ayutthaya buộc vua Narai phải trao độc quyền thương mại, chính quyền Ayutthaya đã phải tranh thủ sự ủng hộ của Anh và Pháp để đối phó với Hà Lan. Trên thương trường, kim loại quý của Nhật Bản như bạc, vàng, đồng vẫn được thị trường nhiều nước ưa chuộng. Nhờ vẫn duy trì quan hệ với Nhật Bản mà thương nhân Hà Lan, Trung Hoa... đã thu được nhiều lợi nhuận lớn. Để giành độc quyền, Hà Lan muốn kiểm chế tham vọng của triều đình Ayutthaya trong quan hệ với Nhật Bản thông qua hoạt động của thương nhân Thái và Trung Hoa. Trong khi đó, chính quyền Ayutthaya vẫn muốn giành quyền chủ động trong việc xuất khẩu da hươu và gỗ nhuộm vải ra thị trường Nhật Bản.

Về phía Nhật Bản, đến cuối thế kỷ XVII, trong điều kiện kinh tế chính trị trong nước đã có phần được kiểm soát, Mạc phủ Edo chủ trương nói lỏng chính sách tỏa quốc và cho phép một số thuyền buôn các nước đến buôn bán. Theo Kojiran, một cuốn sách cổ ghi lại nhiều hoạt động thương mại của Nhật Bản thời Edo, thì thuyền buôn của Ayutthaya đã đến Nhật Bản 6 lần

⁸ Tên tiếng Anh là Vereenigde Oost-Indische Compagnie, là loại hình công ty thương mại của Hà Lan, được thành lập vào năm 1602, nắm độc quyền về buôn bán giữa Hà Lan với các nước phương Đông.

vào các năm: 1680, 1687, 1693, 1716, 1718 và 1745. Trên thực tế, số thuyền từ vương quốc Ayutthaya đến Nhật Bản có thể lớn hơn số liệu mà Kojiran ghi chép. Trong vòng 53 năm (1647–1700) có tổng cộng 130 thuyền buôn của Ayutthaya đến Nhật Bản. Tính bình quân mỗi năm vẫn có hơn hai thuyền của Ayutthaya chuyển hàng sang Nhật. So với các quốc gia Đông Nam Á, sự xuất hiện thường xuyên các thuyền buôn Ayutthaya ở Nhật Bản trong thời kỳ tóa quốc có thể coi là một hiện tượng dị biệt. Điều đó cho thấy sức hấp dẫn của thị trường Nhật Bản cũng như bản tính chủ động, năng động của chính quyền và thương nhân Thái [3, Tr. 217]. Theo kết quả nghiên cứu của Yoneo Ishii thì trong năm 1658 đã có một thuyền buôn từ Ayutthaya đã đến Nagasaki. Bên cạnh nhiều loại hàng hóa chở kèm theo, thuyền buôn này đã xuất sang Nhật Bản 160.000 *kin* (khoảng 96 tấn) gỗ nhuộm vải, 26.550 *kin* (16 tấn) hạt tiêu, 2.670 bộ sừng hươu cùng 3.400 bộ da cá mập. Nếu so sánh với một số thương thuyền khác đến từ Campuchia vào tháng 6 cùng năm chở theo 450 *kin* (270 kg) lụa Đông Kinh, 300 *kin* (180 kg) gỗ lô hội, 11.600 *kin* (7 tấn) đường và 2.000 *kin* (1,2 tấn) thuốc chữa bệnh thì thuyền từ Ayutthaya có trọng tải lớn hơn nhiều [7, Tr. 29]. Rõ ràng đây là một khối lượng hàng lớn, có giá trị khi đem tiêu thụ ở thị trường Nhật Bản. Đổi lại, họ cũng mong muốn được mua về nhiều loại hàng hóa nổi tiếng của Nhật Bản. Và bao giờ, trong báo cáo gửi đại diện chính quyền Edo ở Nagasaki, chủ thuyền đến từ Ayutthaya cũng hết sức khiêm nhường: “Các thuyền đến từ Ayutthaya luôn muốn mua được đồng, đồ sơn mài cùng những loại hàng hóa nhỏ khác để có thể kiếm được một chút lời ở Ayutthaya. Chúng tôi không cần đem hàng của mình trở về bởi vì chúng tôi biết rằng từ mùa đông năm ngoái các doanh thương ở Nagasaki đã chuẩn bị đủ hàng cho thị trường Ayutthaya; chúng tôi đã đến đây, và phải vượt hàng ngàn, hàng ngàn dặm trên biển. Năm nay sẽ có 3 thuyền, kể cả thuyền của chúng tôi, sẽ từ Ayutthaya đến Nagasaki” [6, Tr. 187]. Trong những năm 1692–1697, vua Ayutthaya là Phetracha (1688–1703) vẫn cử nhiều thuyền buôn sang các nước châu Á. Riêng năm 1692, nhà vua lại phái hai thuyền đến Nhật Bản chở theo 10.000 bộ da thú. Năm 1699, vua Phetracha và hoàng tử Sorasak tiếp tục cử một thương thuyền mang theo các sản vật nổi tiếng như gỗ quý, thiếc, đường, lụa và 8.000 bộ da động vật sang trao đổi ở Nagasaki [6, tr.189]. Các thuyền buôn Ayutthaya trên đường trở về từ Nhật Bản thường dừng lại ở một vài cảng ở Trung Quốc để bán bớt một phần hàng hóa Nhật Bản và cất thêm tơ lụa. Bước sang thế kỷ XVIII, quan hệ Nhật Bản – Ayutthaya dần suy yếu và vai trò của người Nhật ở Ayutthaya ngày càng suy giảm.

5. Một vài nhận xét

Trong nửa đầu thế kỷ XVII, một đặc điểm nổi bật trong hoạt động ngoại thương giữa hai bên, chủ yếu là các thuyền Châu ấn của Nhật Bản tới Ayutthaya để buôn bán, còn chiều ngược lại hầu như rất ít. Có nghĩa là người Nhật luôn giữ vai trò chủ động trong hoạt động giao thương với Ayutthaya. Điều đó nói lên rằng hoạt động thương mại của hai bên là hoạt động một chiều: các thuyền Châu ấn đến Ayutthaya mang theo hàng hóa, tiền và sau khi bán hàng hóa của Nhật Bản rồi mua hàng hóa của Ayutthaya và các nước trong khu vực thì quay trở về

Nhật Bản. Điều này duy trì cho đến khi Nhật Bản thực hiện chính sách tỏa quốc thì thay đổi hoàn toàn ngược lại. Lúc này, các thuyền buôn từ Ayutthaya lại chủ động tìm đến Nhật Bản để tiếp tục buôn bán.

Việc buôn bán giữa Nhật Bản với Ayutthaya luôn gặp phải sự cạnh tranh và sức ép từ các nước phương Tây, cụ thể là Hà Lan- quốc gia luôn mong muốn độc chiếm thị trường giàu tiềm năng như Ayutthaya. Vào đầu thế kỷ XVII, Hà Lan luôn cạnh tranh với Nhật Bản và cuối thế kỷ XVII lại tìm cách chiếm lĩnh thị trường Ayutthaya và cạnh tranh quyết liệt với Trung Quốc. Mặc dù có nguy cơ bị Hà Lan độc chiếm thị trường, nhưng cả Ayutthaya và Nhật Bản đã đưa ra những chính sách kiểm soát chặt chẽ độc quyền về ngoại thương. Cụ thể, Nhật Bản từ sau năm 1639 trở đi, Ayutthaya từ 1652 trở đi để vừa cố gắng duy trì việc buôn bán với bên ngoài nhưng luôn cố gắng kiểm soát và bảo toàn nền thương mại quốc gia. Cả Nhật Bản và Ayutthaya luôn tỏ rõ thiện chí nhằm thiết lập quan hệ ngoại giao và buôn bán. Điều này cho thấy bản tính hướng biển, linh hoạt, cởi mở về thương nghiệp của hai nước xuất hiện từ rất sớm và trở thành đặc trưng kinh tế riêng biệt so với các nước Đông Nam Á khác.

Mặc dù bệch phổi của bối cảnh quốc tế và khu vực cũng như tình hình nội tại, nhưng cả Nhật Bản và Ayutthaya vẫn cố gắng duy trì hoạt động buôn bán. Trong hoàn cảnh ấy, các khối Nhật kiều và thương nhân Hà Lan và Trung Quốc đóng vai trò không nhỏ trong hoạt động buôn bán giữa Nhật Bản và Ayutthaya. Sau khi lệnh tỏa quốc được ban hành, do không thể trở về nước, nhưng nhờ có tri thức và kinh nghiệm buôn bán, lại thông thuộc thị trường, ngôn ngữ nên nhiều thương nhân Nhật Bản sống ở Ayutthaya vẫn tham gia vào các hoạt động kinh tế giữa hai nước. Các thương nhân Hà Lan và Trung Quốc lại là cầu nối gián tiếp để các hoạt động buôn bán giữa Nhật Bản với Ayutthaya tiếp tục duy trì trong nửa sau thế kỷ XVII.

Về cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu giữa Nhật Bản và Ayutthaya, lái buôn Nhật thường mua vào các nông lâm hải sản và hàng hóa từ phía Nhật Bản chủ yếu là các sản phẩm thủ công, mỹ nghệ. Trong quá trình buôn bán, thuyền buôn từ Nhật Bản đến Ayutthaya và ngược lại luôn đi theo chu trình hoạt động của gió mùa. Do điều kiện hàng hải lúc đó, thuyền bè phải dựa vào sức gió để đi lại, vì thế hoạt động thương mại giữa hai bên thường gọi là “mùa Mậu dịch” và phụ thuộc rất lớn vào điều kiện thiên nhiên. Đây cũng được coi là một đặc điểm lớn trong hoạt động buôn bán giữa hai bên.

Hoạt động buôn bán giữa Nhật Bản với Ayutthaya đã có những tác động to lớn về mặt kinh tế đối với cả hai chủ thể. Chủ trương mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại của chính quyền Nhật Bản và Ayutthaya đã tạo nên một xung lực mới cho sự phát triển của nhiều ngành sản xuất trong nước. Vào nửa đầu thế kỷ XVII, ở nhiều vùng nông thôn đã hình thành các khu chuyên canh, chuyên chế biến đặc sản địa phương. Các khu chuyên canh đó đã tạo nên nguồn nông sản phong phú phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong nước, phát triển ngành sản xuất thủ công và xuất khẩu. Trong thời gian đó, nhiều cảng thị, thành thị cũng từng bước vượt qua khỏi

khuôn khổ của một trung tâm chính trị, hành chính để đồng thời đóng vai trò quan trọng về kinh tế, thực sự trở thành nơi tập trung sức mạnh kinh tế của đất nước.

Ở thị trường Nhật Bản, các mặt hàng nông, lâm, hải sản của Ayutthaya rất được ưa chuộng. Các mặt hàng lâm thổ sản như sáp ong, mật ong, lông chim, gỗ quý hay các loại da động vật cũng là những mặt hàng ưa chuộng. Nhu cầu nhập khẩu những mặt hàng này của Nhật Bản đã thúc đẩy hoạt động khai thác sản vật thiên nhiên và đưa hoạt động này vào quỹ đạo kinh tế hàng hóa ở Ayutthaya. Ngược lại, các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ của Nhật Bản lại rất được thị trường Ayutthaya ưa chuộng đã gián tiếp thúc đẩy các ngành nghề sản xuất của Nhật Bản phát triển. Các loại khoáng sản từ Nhật Bản như đồng, bạc, lưu huỳnh thường được nhập với số lượng lớn và có lúc không đáp ứng đủ nhu cầu cho thị trường Ayutthaya. Điều này đã thúc đẩy sự phát triển ngành khai khoáng của Nhật Bản. Sự phát triển, hưng thịnh của thương nghiệp từ hai phía đã thúc đẩy các ngành kinh tế vượt ra khỏi khuôn khổ tự cung, tự cấp, bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá.

Bên cạnh đó, sự phát triển của hoạt động thương mại thế kỷ XVII cũng đã để lại hậu quả đáng kể cho những cánh rừng ở Ayutthaya nói riêng và Đông Nam Á nói chung, làm suy giảm số lượng xuất khẩu da hươu sang Nhật Bản ở giai đoạn sau. Điều này đã tác động đến đa dạng sinh học; lâm sản sụt giảm một cách đáng kể cả về chủng loại và số lượng, chỉ còn xuất khẩu đường là chủ yếu, đặc biệt là đường cát trắng và đường phèn, xuất sang Nhật và Quảng Đông [12, Tr. 423]. Thế kỷ XVII trở thành một trong 2 giai đoạn⁹ đỉnh cao của việc khai thác lâm sản ở Đông Nam Á thời cận đại. Mặc dù có những tác động tiêu cực, nhưng có thể khẳng định rằng hoạt động giao thương giữa Nhật Bản và Ayutthaya trong thế kỷ XVII với những thành tựu kể trên đã trở thành di sản quý báu của tình hữu nghị, hợp tác giữa Thái Lan và Nhật Bản ngày nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Lan Anh (2014), “Quá trình hình thành, phát triển của gốm sứ Hizen”, *Luận án tiến sĩ Lịch sử*, Trường Đại học Khoa học Xã hội – Nhân văn Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Kim (1996), “Thời kỳ Tokugawa và những tiền đề cho sự phát triển kinh tế Nhật Bản hiện đại”, *Tạp chí nghiên cứu Lịch sử*, số 5 (288).
3. Nguyễn Văn Kim (2000), *Chính sách đóng cửa Nhật Bản thời kỳ Tokugawa nguyên nhân và hệ quả*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Kim (2002), *Quan hệ của Nhật Bản với vương quốc Ayutthaya thế kỷ XVI–XVII* đăng tải trên: <https://nghiencuulichsu.com/2014/05/29/quan-he-cua-nhat-ban-voi-vuong-quoc-Ayutthaya-tk-xvi-xvii/>, ngày truy cập 20/3/2019.

⁹ Giai đoạn thứ 2 là từ giữa thế kỷ XVIII đến thập niên 1830.

5. Nguyễn Văn Kim (2003), *Nhật Bản với châu Á những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế xã hội*, Nxb. Đại học Quốc Gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Kim (2003), *Quan hệ của Nhật Bản với Đông Nam Á thế kỷ XV–XVII*, Nxb. Đại Học Quốc Gia, Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Kim (2016), “Quan hệ Việt Nam – Nhật Bản trong bối cảnh giao thương Đông Nam Á thế kỷ XVI–XVII”, *Kỷ yếu hội thảo quốc tế Quan hệ Việt – Nhật thời cận thế (thế kỷ XVI–XIX)*, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Vũ Linh (2003), “Con đường tơ lụa trên biển và vị trí của Việt Nam”, *Tạp chí Xưa và nay*, số 131, trang 19–20.
9. Cesare Polenghi (2004), “The Japanese in Ayutthayah in the First half of the 17th Century” đăng tải trên: <https://www.samurai-archives.com/jia.html>, ngày truy cập 26/3/2019.
10. Iwao Siichi (1985), *Shuisen Boeki-shi no Kenkyu*, Ko Bun Do.
11. Li Tana (2014), *Xứ Đàng Trong Lịch sử kinh tế – xã hội Việt Nam thế kỷ 17–18*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
12. Li Tana (2018), “Thương mại của miền Trung Việt Nam và môi trường trong thời kỳ mậu dịch”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Đàng Trong thời chúa Nguyễn”*, Hội khoa học Lịch sử Thừa Thiên Huế, Tr.421–423.
13. Trần Thị Tâm (2018), “Quan hệ giao thương giữa Nhật Bản và Đàng Trong thế kỷ XVII”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Đàng Trong thời chúa Nguyễn”*, Hội khoa học Lịch sử Thừa Thiên Huế, Tr.290–303.
14. Nguyễn Nam Trân (2015), *Giáo trình lịch sử Nhật Bản*, Bản thảo năm 2015.
15. Hoàng Anh Tuấn (2014), “Góc nhìn khu vực về quan hệ Việt Nam – Nhật Bản thế kỷ XVII”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, tập 30, số 3/2014, Tr.1-13
16. “Sự phát triển kinh tế của Ayutthaya” đăng tải trên: https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C6%B0%C6%A1ng_qu%E1%BB%91c_Ayutthaya#S%E1%BB%B1_ph%C3%A1t_tri%E1%BB%83n_ch%C3%ADnh_tr%E1%BB%8B_v%C3%A0_x%C3%A3_h%E1%BB%99i, truy cập ngày 2/5/2019.

TRADING ACTIVITIES BETWEEN JAPAN AND AYUTTHAYA IN THE 17TH CENTURY

Tran Thi Tam

University of Sciences, Hue University, 77 Nguyen Hue St., Hue, Vietnam

Abstract. In history, the seventeenth century was a very special period in the relation between Japan and Southeast Asia, in general, and the relation between Japan and Ayutthaya, in particular. Using historical methods, logical researching methods, and some other interdisciplinary researching methods, the author

systematically analyses the materials on the exchange of goods between the two sides to provide the most comprehensive overview of the main economic policies and the foreign trade visions and marine trading activities of the related entities. On the basis of the analysis of trading activities between Japan and Ayutthaya, the author further clarifies Japan and Ayutthaya's marine foreign trade activities under the influence of international and regional contexts in the 17th century.

Keywords: Japanese, Ayutthaya, foreign trade